TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG LĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2023/HS-ST Ngày: 25/7/2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG LĨNH - TỈNH HÀ TĨNH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*:** Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Công Bình, ông Bùi Xuân Cần.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Thị Đức Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hoàng - Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/HSST-QĐ, ngày 20 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị T; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/3/1999, tại xã L, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn T1 (đã chết) và bà Trần Thị H; Có chồng là: Nguyễn Tiến H1 và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2021); Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể: Ngày 23/12/2019, tại Bản án số 26/2019/HSST, bị Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo đang hoãn chấp hành hình phạt tù của bản án trên, do nuôi con dưới 36 tháng tuổi; Tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H2; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 09/01/1992, tại xã L, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn X và bà Trần Thị T2; Có vợ là: Nguyễn Thị Quỳnh N và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023); Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/01/2013 bị Tòa án quân sự Khu vực 1, Quân khu D1 xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", đến ngày 31/8/2015, Nguyễn Văn H2 đã chấp hành xong bản án theo Quyết định đặc xá số 1900/QĐ-CTN ngày 26/8/2015 của Chủ tịch nước (được coi là đã xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 16/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Bùi Huy Q; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 24/8/1996, tại xã T, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Huy M và bà Phạm Thị H3; Có vợ là: Nguyễn Thị H4 và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2018); Anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/11/2018, tại Bản án số 30/2018/HSST, bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự 2015. Ngày 30/01/2019, tại Bản án số 20/2019/HSPT, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm tuyên phạt Bùi Huy Q y án sơ thẩm. Ngày 08/02/2021, Bùi Huy Q chấp hành xong bản án (được coi là đã xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Lê Trung Đ; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/10/1995, tại xã B, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đ1 và bà Lê Thị L; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/02/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Lê Phan S; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 10/11/1987, tại xã T, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Tổ dân phố B, phường B, thị xã H, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Quán N1 và bà Phan Thị B; Có vợ là: Trần Thị Q1 và 02 con (Lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2015); Anh, chị, em ruột: có 04 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt tạm giam từ ngày 24/4/2023 cho đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phan Thị Minh N2; Sinh ngày: 11/4/1999; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Có mặt.

2. Anh Nguyễn Văn D; Sinh ngày: 09/11/2002; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh T; Có mặt.

3. Anh Trần Văn Q2; Sinh ngày: 24/11/2002; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn Y, xã K, huyện C, tỉnh T; Vắng mặt.

4. Chị Phan Thị H5; Sinh ngày: 27/02/1996; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

5. Anh Dương Huỳnh Đ1; Sinh ngày: 15/4/1994; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

6. Anh Bùi Huy Ư; Sinh ngày: 24/7/2004; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh T; Có mặt.

7. Chị Trần Thị T2; Sinh ngày: 01/10/1966; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Có mặt.

8. Anh Võ Tuấn A; Sinh ngày: 22/7/1986; Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng Mobifone Hồng L1; Địa chỉ: Tổ dân phố E, phường B, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

9. Chị Lương Thị T3; Sinh ngày: 12/6/2004; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Bản H, xã H, huyện T, tỉnh A; Vắng mặt.

10. Chị Bùi Thị Hải L2; Sinh ngày: 30/3/1995; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh T; Vắng mặt.

11. Chị Bùi Thị Á; Sinh ngày: 20/10/1963; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh T; Vắng mặt.

12. Trần Thị Q1; Sinh ngày: 02/11/1989; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Địa chỉ: Tổ dân phố B, phường B, thị xã H, tỉnh T; Có mặt

- Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị M1; Sinh ngày: 10/8/1981; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh T; Vắng mặt.

2. Anh Lê Xuân T4; Sinh ngày: 12/11/2000; Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện Đ, tỉnh T; Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Đình H6, Sinh ngày: 08/7/1998; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh T; Vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Công H7, Sinh ngày: 30/4/1966. Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

5. Chị Nguyễn Thu H8; Sinh ngày: 26/4/1975; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

- Người chứng kiến:

Anh Nguyễn Kiều H9; Sinh ngày: 26/10/1992; Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Là bạn bè quen biết nhau từ đầu năm 2023, nên trong các ngày 10/02/2023 và ngày 12/02/2023, Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ cùng với một số đối tượng khác đã tụ tập, tổ chức ăn uống, hát Karaoke và mua ma túy của Lê Phan S về cùng nhau sử dụng trái phép, cụ thể như sau:

** Về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy:*

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 12/02/2023, Trần Thị T mời Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ, Phan Thị Minh N2 (sinh năm 1999, trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh T), Phan Thị H5 (sinh năm 1996, trú tại tổ dân phố H, phường Đ, thị xã H, tỉnh T) và Trần Thị M1 (sinh năm 1981, trú tại thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh T) đến nhà T ăn uống. Khoảng 15 giờ cùng ngày, cả nhóm ăn uống xong, Trần Thị T nói với mọi người: *Bữa ni sinh nhật anh* H2, *ra* quán C1 *uống rượu*. Cả nhóm đồng ý và cùng nhau đến quán C1 tiếp tục ăn uống. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Bùi Huy Q nói với mọi người xuống quán K2 ở tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T để hát Karaoke, cả nhóm đồng ý. Nguyễn Văn H2 thanh toán tiền ăn tại quán C1, sau đó điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter biển kiểm soát 38D1-252.98 chở N2; Lê Trung Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T và Q; Phan Thị H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38N1-006.22 chở M1 cùng đi đến quán K2, vào phòng 202 để hát, còn Trần Thị M1 không tham gia hát mà ra về trước. Một lúc sau, Nguyễn Văn H2 nói với mọi người: *Lấy mấy con Kẹo để chơi* (ý H2 nói mua ma tuý về sử dụng). Lê Trung Đ hỏi H2: *Giờ lấy mấy con, lấy 4 con nhé.* H2 đồng ý, rồi đưa cho Q số tiền 2.000.000 đồng để mua ma túy. Q cầm lấy tiền đưa cho Đ để đi mua ma tuý. Lúc này, Lê Trung Đ sử dụng điện thoại nhãn hiệu Iphone, vỏ màu xanh, số thuê bao 0987.545.695 gọi vào số thuê bao 0705.945.813 của Lê Phan S nói: *Anh lấy cho em 4 con* Kẹo (ý mua 4 viên ma túy loại Ketamine). Lê Phan S trả lời: *Em chạy lại* khách sạn T8. Lúc này, Lê Trung Đ đưa 2.000.000 đồng cho T cầm, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T đi đến đoạn đường trước khách sạn V (tổ dân phố A, phường B, thị xã H), Lê Trung Đ nhìn thấy một chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại SOLUTO, màu đỏ, biển kiểm soát 38A-315.85 đậu sát lề đường bên phải hướng Bắc - Nam, biết đó là xe của Lê Phan S sử dụng nên Đ đi vòng sang bên kia đường, lại gần xe của S. Lúc này, Lê Phan S hạ cửa kính phía trước bên lái xuống khoảng 2/3, thì Trần Thị T đưa số tiền 2.000.000 đồng. S cầm lấy tiền và đưa 01 gói giấy vệ sinh được vò lại cho T. Biết bên trong gói giấy vệ sinh có chứa ma tuý nên T không mở ra kiểm tra mà cầm ở tay, rồi cùng Lê Trung Đ đi về quán K2. T mở gói giấy vệ sinh ra thấy bên trong có 04 viên

ma túy hình bầu dục màu xanh, Q đến lấy 03 viên, chia cho H2 và N2 mỗi người nửa viên để sử dụng, Q sử dụng 01 viên, chia cho H5 sử dụng nửa viên, nửa viên còn lại đưa cho T, còn Đ và T không sử dụng ma tuý. Số ma túy còn lại 1,5 viên T giữ trong người.

Sau khi hát Karaoke và sử dụng ma túy được một lúc, Phan Thị H5 ra về trước. Lúc này, Đ chở T về nhà mẹ của Phan Thị Minh N2 ở thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh T lấy ba lô chứa các dụng cụ để "bay lắc" và sử dụng ma túy mà T để trước đó rồi quay trở lại quán K2 tiếp tục hát. Khi cả nhóm nghỉ hát, H2 nói với T: *Anh hết tiền rồi, có gì em cứ thanh toán đó rồi mai ta tính sau*. T hiểu ý H2 là giúp H2 trả tiền rồi H2 gửi lại cho T sau nên đồng ý và trả tiền hát Karaoke. Trong lúc đứng chờ T trả tiền hát, Q hỏi Đ: *Đi ăn hay lên nhà nghỉ* (ý Q nói đi ăn hay lên nhà nghỉ để sử dụng ma tuý tiếp). Đ nói: *Để hỏi* T *đã,* thì T nói: *Lại nhà nghỉ luôn*. Khi cả nhóm đến trước cổng nhà nghỉ R tại tổ dân phố A, phường B, thị xã H, T nói: *Dừ đói rồi đi ăn đã.* Sau đó cả nhóm đến quán X1 ở phường N, thị xã H ăn uống. Khoảng 20 giờ ngày 12/02/2023, sau khi ăn xong, Q điều khiển xe mô tô chở Đ và T, H2 điều khiển xe mô tô chở N2 cùng đến nhà nghỉ R. T và Đ đến quầy lễ tân thuê phòng 303, Q cầm ba lô (bên trong chứa dụng cụ sử dụng ma túy) và cùng mọi người đi lên phòng. Tại phòng 303, Q lấy đèn nháy và loa từ trong ba lô ra bật đèn và mở nhạc. Trần Thị T gọi điện thoại cho H5 nói đến chơi cùng cả nhóm. Sau đó, T lấy 1,5 viên ma túy dạng "kẹo" còn dư ra trước đó, đưa cho Q nửa viên để sử dụng. Khoảng 20 giờ 20 phút, H5 rủ Dương Huỳnh Đ1 (sinh năm 1994, trú tại tổ dân phố H, phường Đ, thị xã H, tỉnh T) cùng đi đến. Lúc này, do đông người nên T thuê thêm phòng nghỉ 301 (cạnh phòng 303). Sau khi đón H5 và Dương Huỳnh Đ1 vào phòng 303, T đưa cho hai người này mỗi người nửa viên ma túy để sử dụng. Tại phòng 303, T hỏi H2: *Giờ lấy như thế nào anh* (ý T hỏi H2 là mua bao nhiêu ma tuý để sử dụng). H2 nói: *Lấy 5 triệu.* Nghe T và H2 trao đổi như vậy, Lê Trung Đ nói: *Lấy một con Kẹo với bốn triệu tiền* K. H2 đồng ý, thì Lê Trung Đ tiếp tục sử dụng điện thoại của mình gọi Lê Phan S nói: *Lấy cho em một con Kẹo và 4 triệu tiền* K1. Lê Phan S đồng ý và nói Lê Trung Đ chuyển khoản tiền trước cho S. T liền hỏi H2: *Tiền như thế nào anh*. H2 trả lời: *Tiền có em gửi đó trước, mai anh gửi lại cho*. T đồng ý rồi sử dụng tài khoản ngân hàng B1 của chồng mình số 0641000042201 chuyển số tiền 4.500.000 đồng cho Lê Phan S qua số tài khoản 52110000646322. Sau đó, Lê Trung Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T đến gần khách sạn V, thì nhìn thấy xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại SOLUTO, màu đỏ, biển kiểm soát 38A-315.85 của S đang đi chậm sát lề đường phía trước cùng chiều với xe của Đ, nên Đ điều khiển xe mô tô vượt lên ngang với phía bên lái của xe S. Thấy Đ, Lê Phan S hạ cửa kính xuống khoảng 2/3, rồi đưa một vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng cho T ngồi sau cầm lấy. Trên đường về, T mở vỏ bao thuốc lá ra kiểm tra bên trong

có một gói giấy ăn, T cầm lấy gói giấy ăn đó rồi vứt vỏ bao thuốc lá xuống đường. Sau khi quay lại phòng 303, nhà nghỉ R, T mở gói giấy ăn ra kiểm tra thì bên trong có 01 viên ma túy hình bầu dục màu xanh và 01 gói ma túy đựng trong túi ni lông màu trắng. Lúc này, T đưa toàn bộ số ma tuý đó cho Lê Trung Đ. Đ cầm lấy gói ma tuý đưa cho Q, còn viên ma túy thì Đ và T mỗi người sử dụng một nửa. Khoảng 21 giờ, Lê Trung Đ gọi cả nhóm vào phòng 303 để sử dụng ma tuý, rồi Đ lấy một chiếc đĩa sứ màu trắng, một tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng được cuộn lại thành ống hút từ trong ba lô đưa vào phòng vệ sinh đốt giấy hơ nóng mặt dưới của đĩa và đưa cho T để T xử lý ma tuý cho cả nhóm cùng sử dụng. T lấy gói đựng ma tuý đổ một phần lên mặt đĩa, phần còn lại trong gói ma túy T bỏ lên kệ để tivi trong phòng, rồi dùng thẻ nhựa đảo, miết chất ma túy (Ketamine) cho mịn lại (thường gọi là xào ke), sau đó lần lượt đưa cho H2, N2, H5, Dương Huỳnh Đ1 và Lê Trung Đ sử dụng ma tuý. Một lúc sau, Q gọi điện thoại cho em trai là Bùi Huy Ư (sinh năm 2004, trú tại thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh T) rồi nói chuyện với Nguyễn Văn D (sinh năm 2002, trú tại thôn G, xã T, huyện Đ, tỉnh T), Q rủ D xuống làng K, phường B, thị xã H uống bia, hát Karaoke. Lúc này, D và Ư đang ngồi dự sinh nhật của một người bạn cùng Trần Văn Q2 (sinh năm 2002, trú tại thôn Y, xã K, huyện C, tỉnh T) nên D rủ Q2 cùng đi xuống thị xã H uống bia, hát Karaoke, thì Q2 đồng ý. Sau đó, Nguyễn Văn D điều khiển chiếc xe mô tô không gắn biển kiểm soát, nhãn hiệu Honda, loại Wave chở Trần Văn Q2 đi đến làng K, D gọi cho Q thì Q nói lên phòng 303 nhà nghỉ R. Nghe vậy, D và Q2 lên phòng 303 thì T tiếp tục chia ma tuý cho D và Q2 cùng những người còn lại tiếp tục sử dụng. Khoảng 22 giờ cùng ngày, H5 và Dương Huỳnh Đ1 ra về trước, những người còn lại tiếp tục sử dụng ma tuý. Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, khi cả nhóm đang sử dụng ma tuý thì bị Công an thị xã H phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, tạm giữ 01 đĩa sứ màu trắng, trên bề mặt đĩa có chất bột màu trắng nghi là ma túy; 01 túi ni lông màu trắng, kích thước (7,3x4)cm, bên trong chứa chất bột màu trắng nghi là ma túy và các tang vật có liên quan.

Quá trình điều tra, còn xác định được trước đó, ngày 10/02/2023 các bị cáo Trần Thị T, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ tổ chức sử dụng ma túy cùng với một số đối tượng khác, cụ thể:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/02/2023, Trần Thị T gọi điện thoại mời Nguyễn Văn H2, Lê Trung Đ, Bùi Huy Q và Phan Thị Minh N2 đi ăn uống tại nhà hàng C2 ở khu vực cầu Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh T. Sau khi ăn uống xong, T rủ cả nhóm cùng nhau đến thuê phòng 303, nhà nghỉ R, thuộc tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T để nghỉ và sử dụng chất ma tuý. Khoảng 20 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Trung Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn thẻ sim số thuê bao 0987.545.695 gọi điện thoại đến số thuê bao 0705.945.813 của Lê Phan S nói: *Bán cho em 03 viên Kẹo (thuốc lắc) và 2*

triệu Ke (Ketamine). S đồng ý và nói hết số tiền 3.500.000 đồng và hẹn Lê Trung Đ đến đường C thuộc tổ dân phố I, phường B, thị xã H, tỉnh T để lấy ma túy. Lúc này, Trần Thị T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của mình đăng nhập ứng dụng Banking qua tài khoản ngân hàng B1 mang tên Nguyễn Tiến H1 (chồng của T) chuyển khoản số tiền 3.500.000 đồng đến tài khoản ngân hàng B1 số 52110000646322 mang tên Lương Thị T3 (do Lê Phan S quản lý, sử dụng) để mua ma túy. Sau đó, Lê Trung Đ điều khiển xe mô tô 38D1-134.07 chở Trần Thị T đến cột biển tên chỉ đường Cao Thắng theo hướng dẫn của Lê Phan S lấy ma túy rồi quay về nhà nghỉ R để cả nhóm cùng sử dụng. Trong lúc Đ và T đi mua ma túy, Bùi Huy Q lấy ra 01 balo màu đỏ đen, bên trong có đèn nháy, loa xách tay (do Q chuẩn bị sẵn trước đó) mang ra mở nhạc, đồng thời lấy thêm từ balo 01 đĩa sứ màu trắng để đựng ma túy. Khi Lê Trung Đ và Trần Thị T mua ma túy về cả nhóm cùng nhau sử dụng (các đối tượng không nhớ rõ hành động của mỗi người trong quá trình sử dụng ma túy). Trong quá trình sử dụng ma túy, mọi người trong nhóm có nói: *Hôm nay là sinh nhật* T *nên* T *mời,* thì Nguyễn Văn H2 nói với mọi người: *Ngày 12/02/2023 là sinh nhật anh, anh sẽ mời mọi người nhậu bữa*. Khi nghe H2 nói vậy, Lê Trung Đ, Trần Thị T, Bùi Huy Q và Phan Thị Minh N2 đều hiểu ý Nguyễn Văn H2 nói ngày 12/02/2023 là ngày sinh nhật của H2 và H2 sẽ mời tất cả mọi người ăn uống và sử dụng ma tuý nên tất cả đồng ý.

Ngày 13/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H tiến hành xét nghiệm chất ma túy đối với các đối tượng liên quan tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh H, kết quả như sau:

- Lê Trung Đ dương tính với chất ma tuý Methamphetamine, thuốc lắc (MDMA), Ketamine.

- Trần Thị T dương tính với chất ma tuý Methamphetamine, thuốc lắc (MDMA), Ketamine.

- Bùi Huy Q dương tính với chất ma tuý Methamphetamine, thuốc lắc (MDMA), Ketamine.

- Nguyễn Văn H2 dương tính với chất ma tuý Methamphetamine, thuốc lắc (MDMA), Ketamine.

- Phan Thị Minh N2 dương tính với chất ma tuý Methamphetamine, thuốc lắc (MDMA), Ketamine.

- Nguyễn Văn D dương tính với chất ma tuý Ketamine.

- Trần Văn Q2 dương tính với chất ma tuý Ketamine.

Tại Bản kết luận giám định số 252/KL-KTHS ngày 16/02/2023 của Phòng K3 Công an tỉnh H, kết luận:

- Chất bột màu trắng ở trên bề mặt đĩa sứ màu trắng, đường kính 23,5 cm, mặt dưới có dòng chữ "Long P" (Ký hiệu M1) gửi giám định là ma tuý, là Ketamine, có khối lượng: 0,1300 gam.

- Chất bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi ni lông màu trắng, kích thước 7,3 x 4 cm (Ký hiệu M2) gửi giám định là ma tuý, là Ketamine, có khối lượng: 1,1584 gam.

Ketamine là chất ma túy nằm trong Danh mục III, STT 40, Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ.

** Về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy:*

Lê Phan S làm nghề lái xe taxi và thường xuyên chở các nhân viên hát Karaoke đến các quán Karaoke trên địa bàn thị xã H và huyện Đ, tỉnh T. Quá trình này, S quen biết Lương Thị T3 (sinh năm 2004, trú tại Bản H, xã H, huyện T, tỉnh A) là nhân viên hát Karaoke nên nhờ T3 đăng ký mở tài khoản ngân hàng B1 số 52110000646322 để cho Lê Phan S mượn sử dụng giao dịch thanh toán trong quá trình chạy xe taxi, nhân viên hát. Đồng thời, thỉnh thoảng S gặp một số khách hàng hỏi mua ma túy để sử dụng tại các quán hát nên S nảy sinh ý định mua ma túy về bán lại cho khách hát kiếm lời tiêu xài cá nhân. Khoảng đầu tháng 02/2023, thông qua bạn bè trong những lần chở khách đi thành phố V, tỉnh A, Lê Phan S biết được số điện thoại của một người đàn ông mà S khai tên C ở thành phố V, tỉnh A bán ma túy. Đến khoảng 14 giờ chiều ngày 10/02/2023, sau khi liên lạc Lê Phan S đã mua của người đàn ông tên C nói trên 09 viên ma túy (Kẹo) và 01 gói ma túy loại Ketamine (K) với giá 9.100.000 đồng ở khu vực chợ H12, thuộc phường Đ, thị xã H, tỉnh T, đem về nhà cất dấu để bán, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 10/02/2023, Lê Trung Đ gọi điện thoại đến số thuê bao 0705.945.813 của Lê Phan S nói: *Bán cho em 03 viên Kẹo và 2 triệu Ke*. S đồng ý và nói hết 3.500.000 đồng và hẹn giao ma túy tại đường C thuộc tổ dân phố I, phường B, thị xã H, tỉnh T. Sau đó, Đ nói Trần Thị T chuyển khoản số tiền 3.500.000 đồng cho Lê Phan S qua tài khoản số 52110000646322 ngân hàng B1, rồi Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T đi đến điểm hẹn lấy 01 gói ma túy đem về nhà nghỉ R để sử dụng.

- *Lần thứ hai:* Khoảng 17 giờ ngày 12/02/2023, Lê Trung Đ gọi điện nói với Lê Phan S: *Anh lấy cho em 4 con Kẹo*. Lê Phan S đồng ý và nói: *Em chạy lại* khách sạn T8. Lúc này, Lê Trung Đ đưa 2.000.000 đồng cho T cầm, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T từ quán K2 đến đoạn đường trước khách sạn V (tổ dân phố A, phường B, thị xã H), thấy xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại SOLUTO, màu đỏ, biển kiểm soát 38A-315.85 đậu sát lề đường. Biết đó là xe của Lê Phan S sử dụng, Lê Trung Đ đi lại gần xe ô tô. Lúc này, Lê Phan S hạ cửa kính phía trước bên lái xuống khoảng 2/3, nên T đưa số tiền 2.000.000 đồng cho S, thì S đưa 01 gói ma túy được gói bằng giấy vệ sinh cho T. Biết bên trong gói giấy vệ sinh có chứa ma tuý nên T không mở ra kiểm tra mà cầm ở tay, rồi cùng Lê Trung Đ đi về quán K2, mở gói giấy vệ sinh ra thấy bên trong có 04 viên ma túy hình bầu dục, màu xanh.

- *Lần thứ ba:* Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 12/02/2023, cả nhóm đồng ý tiếp tục sử dụng ma túy nên Lê Trung Đ gọi điện thoại cho Lê Phan S nói: *Lấy cho em một con Kẹo và 4 triệu tiền* Ke. Lê Phan S đồng ý và nói Lê Trung Đ chuyển khoản tiền trước cho S. Sau khi trao đổi với Nguyễn Văn H2, Trần Thị T chuyển số tiền 4.500.000 đồng cho Lê Phan S qua tài khoản số 52110000646322. Sau đó, Lê Trung Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 38D1-134.07 chở T đến gần khách sạn V, thấy xe ô tô nhãn hiệu KIA, loại SOLUTO, màu đỏ, biển kiểm soát 38A-315.85 của S, Đ điều khiển xe mô tô vượt lên ngang với phía bên lái của xe S. Thấy Đ, Lê Phan S hạ cửa kính xuống khoảng 2/3, rồi đưa một vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng bên trong đựng ma túy cho T. Trên đường về, T mở vỏ bao thuốc lá ra kiểm tra bên trong có một gói giấy ăn, T cầm lấy gói giấy ăn đó rồi vứt vỏ bao thuốc lá xuống đường. Khi về đến phòng 303, nhà nghỉ R, T mở gói giấy ăn ra kiểm tra thì bên trong có 01 viên ma túy hình bầu dục màu xanh và 01 gói ma túy dạng Ketamine đựng trong túi ni lông màu trắng.

Đến ngày 24/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H khởi tố bị can đối với Lê Phan S và tiến hành khám xét chỗ ở của S, thu giữ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, gắn thẻ sim 0705.945.813 được dấu trong một chiếc tất chân màu đen liên quan đến hành vi phạm tội.

Về vật chứng vụ án:

- Các vật chứng đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh:

+ 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 0,1300 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0166 gam, còn lại 0,1134 gam); 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 1,1584 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0258 gam, còn lại 1,1326 gam), đều được bỏ trong một phong bì thư đã niêm phong, bên ngoài phong bì thư có chữ ký Lê Trung Đ và Trần Thị T cùng các thành phần có liên quan.

+ 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 23,5 cm, mặt dưới có dòng chữ "Long P", đã qua sử dụng.

+ 01 ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cố định bằng ba vỏ điếu thuốc lá màu vàng, đã qua sử dụng.

+ 01 thẻ nhựa hình chữ nhật, trên thẻ có dòng chữ "PRIVILEGE CARD 20%", đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc loa hình trụ tròn, vỏ màu đen, kích thước dài 37 cm, đường kính 6cm, nhãn hiệu SOAIY, đã qua sử dụng.

+ 01 đèn nháy vỏ màu đen trắng, kích thước chiều cao 13 cm, vị trí rộng nhất là 8,5 cm, phía dưới có chữ "TL", đã qua sử dụng.

+ 01 ba lô màu đỏ đen, có dòng chữ "MAYIN", đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 353920105590055, số IMEI2: 353920105657433, gắn thẻ sim số thuê bao 0987.545.695, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 38D1-134.07, số khung 1210DY782569, số máy HC12E5782627, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ.

+ 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Trung Đ, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 29/8/2014, thu giữ tại nhà nghỉ R do chị Nguyễn Thu H8 giao nộp.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, có viền màu xanh, số IMEI 1: 359237631907073, số IMEI2: 359237631991515, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.881.202 đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Thị T.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu ACE, vỏ màu xanh, viền vàng, số IMEI1: 359053912940422, số IMEI2: 359053912940430, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.591.202 đã qua sử dụng, là tài sản của Trần Thị T, không liên quan đến hoạt động phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, số IMEI1: 868441063592601, số IMEI2: 868441063592619, gắn thẻ sim số thuê bao 0366.123.797 đã qua sử dụng, là tài sản của Nguyễn Văn H2, không liên quan đến hoạt động phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, số IMEI1: 866346033603952, số IMEI2: 866346033603945, gắn thẻ sim số thuê bao 0775.467.126 đã qua sử dụng, là tài sản của Bùi Huy Q, liên quan đến hoạt động phạm tội.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số SERI1: 353119111788130, số SERI2: 353119116788135, gắn thẻ sim 1 đã bị khóa 2 chiều, thẻ sim 2 có số thuê bao 0705.945.813, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Phan S.

+ 01 chiếc tất màu đen, có dòng chữ UNIQLO màu trắng, đã qua sử dụng, là tất của Lê Phan S dùng để cất dấu chiếc điện thoại Nokia vỏ màu xanh để liên lạc bán chất ma túy.

- Các tài sản Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 38D1-252.98, số máy G3D4E-933655, số khung RLCUG1010KY16642025298, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Văn H2, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Trần Thị T2, sinh năm 1966, trú tại thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh T cho Nguyễn Văn H2 mượn để sử dụng nhưng không biết Nguyễn Văn H2 mượn để thực hiện hành vi phạm tội. Cơ

quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu là bà Trần Thị T2 .

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 353101100724367, số IMEI2: 353101100579563, gắn thẻ sim số thuê bao 0982. 083.490 đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số SERI: 357341085696646, gắn thẻ sim số thuê bao 0398.115.698 đã qua sử dụng, là tài sản của Trần Văn Q2, không liên quan đến hoạt động phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu là Trần Văn Q2.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát, số máy JA39E-2983034, số khung RLHJA392XNY518455, đã qua sử dụng, tạm giữ của Nguyễn Văn D, là tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Bùi Huy Ư, sinh năm 2004, trú tại thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh T cho Nguyễn Văn D mượn để sử dụng nhưng không biết Nguyễn Văn D mượn để thực hiện hành vi vi phạm. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Bùi Huy Ư.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 352911111839843, số IMEI2: 352911111773869, gắn thẻ sim số thuê bao 0827.839.777 đã qua sử dụng, là tài sản của Phan Thị Minh N2, không liên quan đến hoạt động phạm tội. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã H đã trả lại cho chủ sở hữu là Phan Thị Minh N2.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ, Lê Phan S đã khai nhận đầy đủ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS-TXHL, ngày 15/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Trần Thị T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Phan S về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh và hình phạt chính:*

Căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 2 Điều 53, Điều 58, khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Thị T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trần Thị T mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù. Bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt 05 năm 09 tháng tù của Bản án số 26/2019/HSST, ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án buộc bị cáo T phải

chấp hành mức án từ 13 năm 09 tháng đến 14 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2023). Bị cáo T được trừ thời hạn tạm giữ 07 ngày (từ ngày 11/10/2019 đến ngày 17/10/2019) theo Bản án số 26/2019/HSST, ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H2 phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Bùi Huy Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Bùi Huy Q mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 54 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Trung Đ phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Lê Trung Đ mức án từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Lê Phan S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Lê Phan S mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 0,1300 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0166 gam, còn lại 0,1134 gam); 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 1,1584 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0258 gam, còn lại 1,1326 gam), đều được bỏ trong một phong bì thư đã niêm phong, bên ngoài phong bì thư có chữ ký Lê Trung Đ và Trần Thị T cùng các thành phần có liên quan; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 23,5 cm, mặt dưới có dòng chữ "Long P", đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật, trên thẻ có dòng chữ "PRIVILEGE CARD 20%", đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen, có dòng chữ "MAYIN", đã qua sử dụng; 01 chiếc tất màu đen, có dòng chữ UNIQLO màu trắng, đã qua sử dụng, là tất của Lê Phan S dùng để cất dấu chiếc điện thoại Nokia vỏ màu xanh để liên lạc bán chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cố định bằng ba vỏ điếu thuốc lá màu vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc loa hình trụ tròn, vỏ màu đen, kích thước dài 37 cm,

đường kính 6cm, nhãn hiệu SOAIY, đã qua sử dụng; 01 đèn nháy vỏ màu đen trắng, kích thước chiều cao 13 cm, vị trí rộng nhất là 8,5 cm, phía dưới có chữ "TL", đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 353920105590055, số IMEI2: 353920105657433, gắn thẻ sim số thuê bao 0987.545.695, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 38D1-134.07, số khung 1210DY782569, số máy HC12E5782627, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, có viền màu xanh, số IMEI 1: 359237631907073, số IMEI2: 359237631991515, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.881.202, đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, số IMEI1: 866346033603952, số IMEI2: 866346033603945, gắn thẻ sim số thuê bao 0775.467.126, đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Huy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số SERI1: 353119111788130, số SERI2: 353119116788135, gắn thẻ sim 1 đã bị khóa 2 chiều, thẻ sim 2 có số thuê bao 0705.945.813, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Phan S.

+ Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Lê Phan S do bán ma tuý mà có, nhưng được trừ số tiền 10.000.000 đồng do vợ bị cáo là chị Trần Thị Q1 nộp thay theo biên lai số 0002849, ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Trung Đ 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Trung Đ, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 29/8/2014; bị cáo Trần Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ACE, vỏ màu xanh, viền vàng, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.591.202, đã qua sử dụng; bị cáo Nguyễn Văn H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0366.123.797, đã qua sử dụng.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu xanh trắng, biển kiểm soát 38D1-252.98, số máy G3D4E-933655, số khung RLCUG1010KY16642025298 (tạm giữ của Nguyễn Văn H2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, số IMEI 1: 353101100724367, số IMEI2: 353101100579563, gắn thẻ sim số thuê bao 0982. 083.490; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu đen, số SERI: 357341085696646, gắn thẻ sim số thuê bao 0398.115.698 (đều tạm giữ của Trần Văn Q2); 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát, số máy JA39E-2983034, số khung RLHJA392XNY518455 (tạm giữ của Nguyễn Văn D); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu đen, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 352911111839843, số IMEI2: 352911111773869, gắn thẻ sim số thuê bao 0827.839.777 (tạm giữ của Phan Thị Minh N2). Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại các xe mô tô, điện

thoại nói trên cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Trần Thị T2, Trần Văn Q2, Bùi Huy Ư và Phan Thị Minh N2 nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với chiếc xe ô tô biển kiểm soát 38A-315.85 mà Lê Phan S sử dụng trong quá trình mua bán ma túy, S mua lại của chị Bùi Thị Hải L2 ở thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh T nhưng đang trong thời hạn trả góp của ngân hàng. Sau đó, đã bị ngân hàng TMCP T9 - T10, chi nhánh phường Q, thành phố V, tỉnh A thu hồi để tất toán việc trả góp tại ngân hàng theo hợp đồng với vợ chồng chị L2 nên Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ. Còn 01 viên ma túy, sau khi biết nhóm Trần Thị T bị bắt, Lê Phan S đã đem vứt viên ma túy đó nhưng không nhớ rõ vị trí nên không tiến hành thu giữ được nên không có cơ sở để xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 10.000.000 đồng của chị Trần Thị Q1 đã nộp thay cho bị cáo Lê Phan S số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma tuý mà có. Tại phiên toà chị Q1 không yêu cầu bị cáo S phải trả lại nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- *Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ, Lê Phan S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[01] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Hồng Lĩnh, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[02] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Trong các ngày 10/02/2023 và 12/02/2023, tại thị xã H, tỉnh T, Lê Phan S đã 03 lần thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy cho Lê Trung Đ, Trần Thị T với tổng số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó, Trần Thị T, Lê Trung Đ, Bùi Huy Q, Nguyễn Văn H2 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với các đối tượng Phan Thị Minh N2, Trần Thị H10, Dương Huỳnh Đ1, Nguyễn Văn D và Trần Văn Q2 tại phòng hát 202 quán K2, thị xã H và tại phòng 303 nhà nghỉ R, thị xã H vào các ngày 10/02/2023 và 12/02/2023. Đến khoảng 22 giờ 45 phút ngày 12/02/2023, khi các bị cáo và các đối tượng liên quan đang sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 303 nhà

nghỉ R, thì bị lực lượng Công an thị xã H phát hiện, bắt quả tang, thu giữ chất ma túy có tổng khối lượng 1,2884 gam, loại Ketamine.

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng vụ án thu giữ và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ đã phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Phan S đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự như Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Lĩnh là đúng quy định của pháp luật, không có gì oan sai.

[03] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào các quy định của nhà nước về quản lý các chất ma túy được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo nhận thức được nhà nước nghiêm cấm việc tổ chức sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy, thế nhưng vì muốn thỏa mãn nhu cầu cá nhân và muốn hưởng lợi bất chính nên các bị cáo vẫn thực hiện tội phạm, chứng tỏ các bị cáo liều lĩnh, bất chấp và coi thường pháp luật. Hành vi đó làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội và gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử các bị cáo mức án nghiêm để cải tạo giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ, vị trí vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xem xét trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo.

[04] Vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm về hành vi tổ chức sử dụng trái phép các chất ma tuý. Xét tính chất mức độ hành vi, vị trí vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Trần Thị T là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo khởi xướng việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trong ngày 10/02/2023, đồng thời là người trực tiếp đi mua ma túy cùng với Lê Trung Đ (3 lần) để cả nhóm cùng sử dụng (trong đó 02 lần sử dụng tiền của mình để mua ma túy) và trực tiếp đưa ma túy cho người khác sử dụng. Bị cáo T đang có tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng, nay lại tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng; tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý 02 lần trở lên, cho 02 người trở lên nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm", "phạm tội hai lần trở lên", "đối với hai người trở lên" quy định tại các điểm a, b, h khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255, điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo T mức án thật nghiêm khắc và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành

khẩn khai báo", "Gia đình có hoàn cảnh khó khăn" (Chồng bị cáo đang chấp hành hình phạt 10 năm tù, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi) quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo T phần nào. Bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt 05 năm 09 tháng tù theo Bản án số 26/2019/HSST, ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H2 là người khởi xướng việc sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần trong ngày 12/02/2023, bị cáo là người đưa tiền (02 triệu đồng) để các bị cáo T, Đ đi mua ma túy về sử dụng. Bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý 02 lần trở lên, cho 02 người trở lên nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên", "đối với hai người trở lên" quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Với vai trò vừa khởi xướng hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đồng thời vừa là người thực hành trong vụ án nên tính chất mức độ hành vi bị cáo H2 đứng thứ 2 trong vụ án. Hội đồng xét xử cần căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo H2 mức án nghiêm và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, tại phiên toà bị cáo Nguyễn Văn H2 đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, phù hợp với kết quả điều tra có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Bùi Huy Q là đồng phạm với vai trò là người thực hành trong vụ án. Với hành vi chuẩn bị các công cụ sử dụng trong các lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, tham gia sử dụng ma tuý cùng đồng phạm. Bị cáo cùng đồng phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý 02 lần trở lên, cho 02 người trở lên nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên", "đối với hai người trở lên" quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có nhân thân xấu đã bị Tòa án nhân dân thị xã Hồng Lĩnh xét xử sơ thẩm và Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm mức án 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản", đã chấp hành xong bản án, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm cho bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Q mức án nghiêm và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Gia đình có hoàn cảnh khó khăn" (Vợ bị cáo đã ly thân, không liên lạc với gia đình, bản thân bị cáo phải nuôi hai con nhỏ, sống chung với bố mẹ thường xuyên ốm đau, bệnh tật) quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lê Trung Đ là đồng phạm với vai trò là người thực hành trong vụ án. Đ là người liên hệ mua ma túy và 03 lần trực tiếp đi mua ma túy để cả nhóm sử dụng, tham gia sử dụng ma tuý. Bị cáo cùng đồng phạm tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý 02 lần trở lên, cho 02 người trở lên nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên", "đối với hai người trở lên" quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử cần căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Đ mức án nghiêm và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ *"Người phạm tội thành khẩn khai báo", "Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm"*(đã cung cấp thông tin cho Công an xã B phối hợp Công an huyện Đ, tỉnh T phát hiện, bắt quả tang, khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Đoàn Văn H11 và đồng phạm về tội "Đánh bạc"), *"Gia đình có công với cách mạng"* (ông bà nội, ngoại của Lê Trung Đ là ông Lê Thanh T5, ông Lê T6, bà Phạm Thị N3 từng tham gia hoạt động cách mạng, có nhiều thành tích được tặng thưởng Huân chương và Huy chương kháng chiến hạng nhất) quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, chưa có tiền án tiền sự nên Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo Đ mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Phan S là người một mình thực hiện tội phạm độc lập hành vi mua bán trái phép chất ma tuý. Bị cáo mua ma túy về bán lại kiếm lời, với hành vi 03 lần bán trái phép chất ma túy, với 02 người (Lê Trung Đ, Trần Thị T) để thu lợi bất chính số tiền 900.000 đồng nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên", đối với "hai người trở lên" quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xét xử bị cáo S mức án nghiêm và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên cần xem xét cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Người phạm tội thành khẩn khai báo; Gia đình có công với cách mạng (bị cáo có chú là ông Lê Nguyên T7, liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, hiện bố bị cáo, ông Lê Quán N1 là người thờ cúng liệt sỹ Lê Nguyên T7); bị cáo tác động với gia đình nộp tiền thu lợi bất chính quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[05] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn nên miễn hình phạt tiền cho các bị cáo.

[06] Trong vụ án có những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như sau:

- Đối với Phan Thị Minh N2 là người tham gia sử dụng trái phép chất ma túy cùng các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ trong các ngày 10/02/2023 và 12/02/2023 nhưng không tham gia góp tiền mua ma túy cũng như không có hành vi đưa, cung cấp chất ma túy cho người khác, thuê địa điểm hay chuẩn bị công cụ, phương tiện để sử dụng trái phép chất ma túy... Mặt khác, N2 không biết việc Trần Thị T và Lê Trung Đ về nhà mẹ mình lấy ba lô (chứa các dụng cụ) để sử dụng trái phép chất ma túy trong ngày 12/02/2023 nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Nguyễn Văn D là người được Bùi Huy Q rủ đến chơi tại nhà nghỉ R trong ngày 12/02/2023. Sau đó, D rủ Trần Văn Q2 đi cùng nhưng trước đó không biết rõ việc Q tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời D và Q2 không tham gia góp tiền mua ma túy cũng như không có hành vi đưa, cung cấp chất ma túy cho người khác, thuê địa điểm hay chuẩn bị công cụ, phương tiện để sử dụng trái phép chất ma túy, nên đều không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Phan Thị H5 là người cả 02 lần tham gia sử dụng trái phép chất ma túy cùng các bị cáo trong ngày 12/02/2023. Tuy ở lần thứ hai, H5 có rủ Dương Huỳnh Đ1 đi cùng nhưng với mục đích cùng đi uống bia và hát Karaoke do T hẹn H5 gặp ở quán K2. Đến khi gặp, thì T mời cả H5 và Đ1 vào phòng 303 nhà nghỉ R thì cả hai mới biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng ma túy. Cả H5 và Đ1 đều không tham gia góp tiền mua ma túy cũng không có hành vi đưa, cung cấp chất ma túy cho người khác, thuê địa điểm hay chuẩn bị công cụ, phương tiện để sử dụng trái phép chất ma túy, nên đều không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với bà Trần Thị T2 (mẹ bị cáo Nguyễn Văn H2) là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 38D1-252.98, cho bị cáo Nguyễn Văn H2 mượn sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày, nhưng không biết việc H2 sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Bùi Huy Ư là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu xanh, không có biển kiểm soát cho Nguyễn Văn D mượn sử dụng làm phương tiện đi lại trong ngày 12/02/2023, nhưng không biết việc D sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi vi phạm nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Lương Thị T3 là người đăng ký tài khoản ngân hàng B1 số 52110000646322 và cho Lê Phan S mượn sử dụng nhưng chỉ biết S nhờ mở tài khoản để giao dịch trong quá trình chạy xe taxi cũng như gọi nhân viên hát Karaoke cho các quán hàng mà không biết việc S sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với anh Võ Tuấn A (sinh năm 1986, trú tại tổ dân phố E, phường B, thị xã H, tỉnh T) là nhân viên bán hàng Mobifone Hồng L1 thuộc chi nhánh

của M2, đã tự mình kích hoạt và đăng ký số thuê bao 0705.945.813 để tăng doanh thu bán hàng, nhưng không biết rõ thẻ sim đó được cửa hàng bán cho ai và không biết việc Lê Phan S sử dụng thẻ sim có số thuê bao trên thực hiện hành vi phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với chị Bùi Thị Hải L2 (sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã B, huyện Đ, tỉnh T) là chủ sở hữu xe ô tô biển kiểm soát 38A-315.85, bán lại cho Lê Phan S trong thời hạn trả góp ngân hàng nhưng không biết việc Lê Phan S sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Nguyễn Công H7 (sinh năm 1966, trú tại tổ dân phố A, phường B, thị xã H, tỉnh T) là người quản lý, phục vụ tại quán K2 và chị Nguyễn Thu H8 (sinh năm 1975, trú tại tổ dân phố A, phường B, thị xã H) là nhân viên lễ tân nhà nghỉ R, đều không biết việc các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ cùng các đối tượng khác thuê phòng hát, phòng nghỉ rồi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại các cơ sở kinh doanh do mình quản lý nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với bà Bùi Thị Á (sinh năm 1963, trú tại thôn T, xã L, huyện Đ, tỉnh T, là mẹ của Phan Thị Minh N2) không biết việc bị cáo Trần Thị T để ba lô (bên trong có các dụng cụ sử dụng ma túy) tại nhà mình và cùng bị cáo Lê Trung Đ đến lấy ba lô nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

- Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lê Phan S tại phường Đ, thị xã H, tỉnh T mà S khai tên là C ở thành phố V, tỉnh A. Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra, xác minh nhưng không đủ thông tin, căn cứ để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật.

[07] *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

Hội đồng xét xử cần căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 0,1300 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0166 gam, còn lại 0,1134 gam); 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 1,1584 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0258 gam, còn lại 1,1326 gam), đều được bỏ trong một phong bì thư đã niêm phong, bên ngoài phong bì thư có chữ ký Lê Trung Đ và Trần Thị T cùng các thành phần có liên quan; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 23,5 cm, mặt dưới có dòng chữ "Long P", đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật, trên thẻ có dòng chữ "PRIVILEGE CARD 20%", đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen, có dòng chữ "MAYIN", đã qua sử dụng; 01 chiếc tất màu đen, có dòng chữ UNIQLO màu trắng, đã qua sử dụng, là tất của Lê Phan S dùng để cất dấu chiếc điện thoại Nokia vỏ màu xanh để liên lạc bán chất ma túy.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cố định bằng ba vỏ điếu thuốc lá màu vàng, đã

qua sử dụng; 01 chiếc loa hình trụ tròn, vỏ màu đen, kích thước dài 37 cm, đường kính 6cm, nhãn hiệu SOAIY, đã qua sử dụng; 01 đèn nháy vỏ màu đen trắng, kích thước chiều cao 13 cm, vị trí rộng nhất là 8,5 cm, phía dưới có chữ "TL", đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 353920105590055, số IMEI2: 353920105657433, gắn thẻ sim số thuê bao 0987.545.695, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 38D1-134.07, số khung 1210DY782569, số máy HC12E5782627, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, có viền màu xanh, số IMEI 1: 359237631907073, số IMEI2: 359237631991515, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.881.202 đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, số IMEI1: 866346033603952, số IMEI2: 866346033603945, gắn thẻ sim số thuê bao 0775.467.126, đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Huy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số SERI1: 353119111788130, số SERI2: 353119116788135, gắn thẻ sim 1 đã bị khóa 2 chiều, thẻ sim 2 có số thuê bao 0705.945.813, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Phan S.

+ Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Lê Phan S do bán ma tuý mà có. Bị cáo được trừ số tiền 10.000.000 đồng mà vợ bị cáo (chị Trần Thị Q1) đã nộp thay theo biên lai số 0002849, ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh. Tiền truy thu bị cáo S đã nộp đủ.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Trung Đ 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Trung Đ, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 29/8/2014; bị cáo Trần Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ACE, vỏ màu xanh, viền vàng, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.591.202, đã qua sử dụng; bị cáo Nguyễn Văn H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0366.123.797, đã qua sử dụng.

[08] *Về án phí:* Các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ, Lê Phan S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[09] *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Về tội danh:*

Tuyên bố các bị cáo: Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"; bị cáo Lê Phan S phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

* *Về hình phạt chính:*

- Căn cứ điểm a, b, h khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm a khoản 2 Điều 53, Điều 38, khoản 2 Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Thị T 08 năm tù. Bị cáo T còn phải chấp hành hình phạt 05 năm 09 tháng tù của bản án số 26/2019/HSST, ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai bản án buộc bị cáo T phải chấp hành 13 (mười ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2023). Bị cáo T được trừ thời hạn tạm giữ 07 ngày (từ ngày 11/10/2019 đến ngày 17/10/2019) theo Bản án số 26/2019/HSST, ngày 23/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H2 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 16/02/2023).

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Bùi Huy Q 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2023).

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Trung Đ 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 13/02/2023).

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Phan S 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 24/4/2023).

** Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 0,1300 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0166 gam, còn lại 0,1134 gam); 01 túi ni lông trong suốt, bên trong chứa chất ma túy có khối lượng 1,1584 gam, là Ketamine (đã lấy mẫu giám định hết 0,0258 gam, còn lại 1,1326 gam), đều được bỏ trong một phong bì thư đã niêm phong, bên ngoài phong bì thư có chữ ký Lê Trung Đ và Trần Thị T cùng các thành phần có liên quan; 01 đĩa sứ màu trắng, đường kính 23,5 cm, mặt dưới có dòng chữ "Long P", đã qua sử dụng; 01 thẻ nhựa hình chữ nhật, trên thẻ có dòng chữ "PRIVILEGE CARD 20%", đã qua sử dụng; 01 ba lô màu đỏ đen, có dòng chữ "MAYIN", đã qua sử dụng; 01 chiếc tất màu đen, có dòng chữ UNIQLO màu trắng, đã qua sử dụng.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 ống hút được làm bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng, được cố định bằng ba vỏ điếu thuốc lá màu vàng, đã qua sử dụng; 01 chiếc loa hình trụ tròn, vỏ màu đen, kích thước dài 37 cm,

đường kính 6cm, nhãn hiệu SOAIY, đã qua sử dụng; 01 đèn nháy vỏ màu đen trắng, kích thước chiều cao 13 cm, vị trí rộng nhất là 8,5 cm, phía dưới có chữ "TL", đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu xanh, có ốp lưng bằng nhựa trong suốt, số IMEI1: 353920105590055, số IMEI2: 353920105657433, gắn thẻ sim số thuê bao 0987.545.695, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 38D1-134.07, số khung 1210DY782569, số máy HC12E5782627, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Trung Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu vàng, ốp lưng bằng nhựa trong suốt, có viền màu xanh, số IMEI 1: 359237631907073, số IMEI2: 359237631991515, gắn thẻ sim số thuê bao 0971.881.202 đã qua sử dụng, tạm giữ của Trần Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu vàng, số IMEI1: 866346033603952, số IMEI2: 866346033603945, gắn thẻ sim số thuê bao 0775.467.126, đã qua sử dụng, tạm giữ của Bùi Huy Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xanh, số SERI1: 353119111788130, số SERI2: 353119116788135, gắn thẻ sim 1 đã bị khóa 2 chiều, thẻ sim 2 có số thuê bao 0705.945.813, đã qua sử dụng, tạm giữ của Lê Phan S.

+ Truy thu sung công quỹ nhà nước số tiền 10.000.000 đồng của bị cáo Lê Phan S do bán ma tuý mà có. Bị cáo được trừ số tiền 10.000.000 đồng mà vợ bị cáo (chị Trần Thị Q1) đã nộp thay theo biên lai số 0002849, ngày 18/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh. Tiền truy thu bị cáo S đã nộp đủ.

+ Trả lại cho bị cáo Lê Trung Đ 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Lê Trung Đ, do Sở Giao thông vận tải tỉnh N cấp ngày 29/8/2014; bị cáo Trần Thị T 01 điện thoại di động nhãn hiệu ACE, vỏ màu xanh, viền vàng, gắn thẻ sim số thuê bao 0978.591.202, đã qua sử dụng; bị cáo Nguyễn Văn H2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, vỏ màu xanh, gắn thẻ sim số thuê bao 0366.123.797, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng nói trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Lĩnh và có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/6/2023).

* *Về án phí:* Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Buộc các bị cáo Trần Thị T, Nguyễn Văn H2, Bùi Huy Q, Lê Trung Đ, Lê Phan S, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Minh N2, chị Trần Thị Q1, anh Nguyễn Văn D, anh Bùi Huy Ư được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

sơ thẩm. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Hồng Lĩnh;
- Công an thị xã Hồng Lĩnh;
- Công an tỉnh Hà Tĩnh (PV 06);
- Chi cục THADS thị xã Hồng Lĩnh;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Cường